

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp Số 0201768923 đề ngày 24 tháng 1 năm 2017

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Thay đổi gần nhất (lần 3) của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được cấp ngày 1 tháng 12 năm 2020.

Hội đồng Quản trị

Ông Dương Tiến Dũng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 19/11/2021)
Ông Nguyễn Thế Trọng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 19/11/2021)
	Thành viên (tái bổ nhiệm ngày 19/11/2021)
Ông Trần Tiến Dũng	Thành viên (từ ngày 17/4/2021 đến 8/9/2021)
Ông Đồng Trung Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Kim Dương Khôi	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Thắng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nghiêm Thị Thùy Dương	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên
Bà Phan Thị Trung Hiếu	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đồng Trung Hải	Giám đốc
Ông Trần Ngọc Toàn	Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Đồng Trung Hải	Giám đốc
--------------------	----------

Trụ sở chính

Lô CC2, Khu Công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính của Công ty đính kèm từ trang 5 đến trang 29. Báo cáo tài chính này thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Đông Trung Hải
Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật

Hải Phòng, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 28 tháng 2 năm 2022



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2021, và được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 28 tháng 2 năm 2022. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 29.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 do một đơn vị kiểm toán khác kiểm toán và báo cáo của họ đề ngày 27 tháng 3 năm 2021 đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Thay mặt và đại diện cho Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội



Trần Hồng Kiên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0298-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 2912
Hà Nội, ngày 1 tháng 3 năm 2022

Trương Minh Hòa
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
5067-2019-006-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		37.939.674.110	43.411.306.456
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	33.198.674.680	29.435.556.707
111	Tiền		3.198.674.680	8.435.556.707
112	Các khoản tương đương tiền		30.000.000.000	21.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		4.277.681.806	13.127.327.100
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	3.173.747.642	11.516.140.880
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		413.720.000	880.930.000
136	Phải thu ngắn hạn khác	5	690.214.164	730.256.220
140	Hàng tồn kho		149.017.000	261.516.000
141	Hàng tồn kho		149.017.000	261.516.000
150	Tài sản ngắn hạn khác		314.300.624	586.906.649
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	6(a)	314.300.624	586.906.649
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		212.827.498.799	238.580.390.511
220	Tài sản cố định		92.088.019.453	114.165.518.014
221	Tài sản cố định hữu hình	7(a)	92.058.991.678	114.098.444.858
222	Nguyên giá		172.637.182.643	172.364.482.643
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(80.578.190.965)	(58.266.037.785)
227	Tài sản cố định vô hình	7(b)	29.027.775	67.073.156
228	Nguyên giá		1.121.382.459	1.121.382.459
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.092.354.684)	(1.054.309.303)
260	Tài sản dài hạn khác		120.739.479.346	124.414.872.497
261	Chi phí trả trước dài hạn	6(b)	120.739.479.346	124.414.872.497
270	TỔNG TÀI SẢN		250.767.172.909	281.991.696.967

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một phần cấu thành báo cáo tài chính.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		19.226.403.529	51.821.532.602
310	Nợ ngắn hạn		19.226.403.529	42.125.236.304
311	Phải trả người bán ngắn hạn	8	9.333.556.277	12.966.977.836
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		146.850.000	3.168.000
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	1.109.758.885	2.138.919.318
314	Phải trả người lao động	10	6.421.573.589	14.377.130.818
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	11	700.664.500	4.965.244.698
319	Phải trả ngắn hạn khác		318.326.278	284.649.894
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12(a)	-	5.540.740.740
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13	1.195.674.000	1.848.405.000
330	Nợ dài hạn		-	9.696.296.298
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12(b)	-	9.696.296.298
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		231.540.769.380	230.170.164.365
410	Vốn chủ sở hữu		231.540.769.380	230.170.164.365
411	Vốn góp của chủ sở hữu	14, 15	121.200.000.000	121.200.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		121.200.000.000	121.200.000.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	15	91.926.164.365	66.441.746.877
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	15	18.414.605.015	42.528.417.488
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		18.414.605.015	42.528.417.488
440	TỔNG NGUỒN VỐN		250.767.172.909	281.991.696.967



Nguyễn Thị Minh Lan
Kế toán trưởng/Người lập



Đông Trung Hải
Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật
Ngày 28 tháng 2 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một phần cấu thành báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2021 VND	2020 VND
01	Doanh thu cung cấp dịch vụ	162.658.231.245	189.068.911.223
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	17 162.658.231.245	189.068.911.223
11	Giá vốn dịch vụ cung cấp	18 (108.236.820.839)	(110.872.724.904)
20	Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	54.421.410.406	78.196.186.319
21	Doanh thu hoạt động tài chính	619.681.623	738.843.282
22	Chi phí tài chính	(161.599.321)	(5.189.081.617)
23	- Trong đó: chi phí lãi vay	(161.599.321)	(5.189.081.617)
25	Chi phí bán hàng	19 (25.065.859.528)	(23.507.879.301)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	20 (3.835.337.997)	(8.132.455.522)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	25.978.295.183	42.105.613.161
31	Thu nhập khác	128.038.780	422.804.327
40	Lợi nhuận khác	128.038.780	422.804.327
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.106.333.963	42.528.417.488
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành	21 (1.631.728.948)	-
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	21 -	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	24.474.605.015	42.528.417.488
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16 2.019	3.303
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	16 2.019	3.303



Nguyễn Thị Minh Lan
Kế toán trưởng/Người lập



Đông Trung Hải
Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật
Ngày 28 tháng 2 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một phần cấu thành báo cáo tài chính.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	26.106.333.963	42.528.417.488
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	22.350.198.561	29.572.815.508
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(619.681.623)	(1.147.924.911)
06	Chi phí lãi vay	161.599.321	5.189.081.617
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	47.998.450.222	76.142.389.702
09	Giảm các khoản phải thu	8.849.645.294	11.985.615.885
10	Giảm hàng tồn kho	112.499.000	6.426.000
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(16.478.823.807)	3.790.177.593
12	Giảm chi phí trả trước	3.867.999.176	263.198.674
14	Tiền lãi vay đã trả	(663.223.566)	(5.998.057.284)
15	Thuế TNDN đã nộp	(1.375.961.931)	-
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(3.152.731.000)	(2.124.675.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	39.157.853.388	84.065.075.570
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(272.700.000)	(9.307.772.850)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	80.000.000	18.700.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	619.681.623	738.843.282
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	426.981.623	10.131.070.432
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(15.237.037.038)	(81.204.453.362)
36	Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(20.584.680.000)	(12.120.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(35.821.717.038)	(93.324.453.362)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	3.763.117.973	871.692.640
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 29.435.556.707	28.563.864.067
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 33.198.674.680	29.435.556.707

Nguyễn Thị Minh Lan
Kế toán trưởng/Người lập



Đông Trung Hải
Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật
Ngày 28 tháng 2 năm 2022

Các thuyết minh trang 9 đến trang 29 là một phần cấu thành báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0201768923 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 24 tháng 1 năm 2017. Thay đổi gần nhất (lần 3) của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được cấp ngày 1 tháng 12 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã giao dịch cổ phiếu là GIC.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ khai thác kho bãi như xếp dỡ, lưu giữ, bảo quản, sửa chữa và vệ sinh container.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 150 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 148 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản và nợ phải trả tại thời điểm lập báo cáo tài chính lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bằng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bằng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên). Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi theo quy định của doanh nghiệp và các quy định hiện hành sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bằng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bằng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.8 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, và tiền sử dụng đất đã trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày hiệu lực của Luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 10 năm
Phương tiện vận tải	3 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 – 5 năm
Phần mềm	3 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.9 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất không được ghi nhận vào tài sản vô hình theo chính sách kế toán số 2.8 thì ghi nhận vào chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê trả trước.

2.11 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

2.12 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và các đối tượng khác.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

11/01/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.13 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

2.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi hoặc lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.16 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của năm kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ như sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư, phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.16 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán và được sử dụng cho các hoạt động phúc lợi cho nhân viên Công ty.

2.17 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

2.18 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.19 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay.

2.20 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ.

2.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.22 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng các phương thức công nợ, tính dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.23 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2021 VND	2020 VND
Tiền mặt	380.595.893	462.252.750
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.818.078.787	7.973.303.957
Các khoản tương đương tiền (*)	30.000.000.000	21.000.000.000
	<u>33.198.674.680</u>	<u>29.435.556.707</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn ban đầu không quá 3 tháng với lãi suất từ 3,2% - 3,75%/năm (2020: lãi suất 3,2%/năm).

4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2021 VND	2020 VND
Bên thứ ba	642.299.018	650.094.270
Trong đó:		
- Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải (Việt Nam)	206.176.000	-
- Công ty Cổ phần Logistics New Way	181.335.000	-
- Chi nhánh Công ty TNHH Hoi Wah Shipping Agencies (Vietnam) tại Hải Phòng	78.687.558	202.114.646
- Các khách hàng khác	176.100.460	447.979.624
Bên liên quan (Thuyết minh 24(b))	2.531.448.624	10.866.046.610
	<u>3.173.747.642</u>	<u>11.516.140.880</u>

5 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	2021 VND	2020 VND
Tạm ứng cho nhân viên	690.214.164	730.256.220

6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	2021 VND	2020 VND
Chi phí bảo hiểm	232.184.135	528.346.660
Khác	82.116.489	58.559.989
	<u>314.300.624</u>	<u>586.906.649</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TIẾP THEO)

(b) Dài hạn

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuê đất (*)	120.520.558.150	123.915.503.450
Công cụ, dụng cụ	218.921.196	499.369.047
	<u>120.739.479.346</u>	<u>124.414.872.497</u>

(*) Chi phí trả trước dài hạn là khoản thanh toán tiền thuê lô đất CC2 tại Khu Công nghiệp Minh Phương Đình Vũ cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 1 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2057 theo Hợp đồng thuê lại đất số 61/2017/HĐTĐ-MP đề ngày 25 tháng 1 năm 2017 ký với Công ty Cổ phần Đầu tư bất động sản Minh Phương. Khoản trả trước này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	124.414.872.497	128.149.499.741
Tăng trong năm	157.092.727	588.049.453
Thanh lý, nhượng bán	(80.000.000)	-
Phân bổ trong năm	(3.752.485.878)	(4.322.676.697)
Số dư cuối năm	<u>120.739.479.346</u>	<u>124.414.872.497</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

7 TSCĐ

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	83.050.294.941	3.074.154.669	85.044.676.063	1.195.356.970	172.364.482.643
Mua trong năm	-	272.700.000	-	-	272.700.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	83.050.294.941	3.346.854.669	85.044.676.063	1.195.356.970	172.637.182.643
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	(31.046.074.592)	(1.899.544.936)	(24.473.740.432)	(846.677.825)	(58.266.037.785)
Khấu hao trong năm	(9.356.731.428)	(631.210.238)	(12.096.142.212)	(228.069.302)	(22.312.153.180)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	(40.402.806.020)	(2.530.755.174)	(36.569.882.644)	(1.074.747.127)	(80.578.190.965)
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	52.004.220.349	1.174.609.733	60.570.935.631	348.679.145	114.098.444.858
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	42.647.488.921	816.099.495	48.474.793.419	120.609.843	92.058.991.678

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 1.155.004.113 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 771.198.674 Đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

7 TSCĐ (TIẾP THEO)

(b) TSCĐ vô hình

	Phần mềm VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	1.121.382.459
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>1.121.382.459</u>
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	(1.054.309.303)
Khấu hao trong năm	(38.045.381)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>(1.092.354.684)</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	67.073.156
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u><u>29.027.775</u></u>

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 1.026.382.459 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 76.378.959 Đồng).

8 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2021 VND	2020 VND
Bên thứ ba	5.640.802.493	6.425.448.545
Trong đó:		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh Phương	2.320.230.000	1.300.976.695
- Công ty TNHH Thương mại Huyền Yến	778.105.900	1.116.665.000
- Công ty TNHH Thương mại và Vận tải KTC	615.445.810	-
- Các nhà cung cấp khác	1.927.020.783	4.007.806.850
Bên liên quan (Thuyết minh 24(b))	3.692.753.784	6.541.529.291
	<u>9.333.556.277</u>	<u>12.966.977.836</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản khác phải thu/phải nộp Nhà Nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Số phải thu/ phải nộp VND	Số thực thu/ thực nộp VND	Cán trừ VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
(a) Phải thu					
Thuế GTGT đầu vào	-	7.759.792.534	-	(7.759.792.534)	-
(b) Phải nộp					
Thuế GTGT đầu ra	1.923.658.221	16.275.518.188	(9.776.190.291)	(7.759.792.534)	663.193.584
Thuế TNDN (Thuyết minh 21)	-	1.631.728.948	(1.375.961.931)	-	255.767.017
Thuế thu nhập cá nhân	215.261.097	696.778.080	(721.240.893)	-	190.798.284
Khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
	<u>2.138.919.318</u>	<u>18.607.025.216</u>	<u>(11.876.393.115)</u>	<u>(7.759.792.534)</u>	<u>1.109.758.885</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**
10 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	2021 VND	2020 VND
Lương và thưởng nhân viên	6.421.573.589	14.377.130.818

11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lãi vay (Thuyết minh 24(b))	-	501.624.245
Chi phí hoa hồng (Thuyết minh 24(b))	534.256.500	1.258.609.000
Chi phí sửa chữa	-	2.711.705.000
Khác	166.408.000	493.306.453
	<u>700.664.500</u>	<u>4.965.244.698</u>

12 VAY

Biến động của các khoản vay trong năm như sau:

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Thanh toán VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 24(b)) (*)	5.540.740.740	(5.540.740.740)	-

(b) Dài hạn

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Thanh toán VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 24(b)) (*)	9.696.296.298	(9.696.296.298)	-

(*) Đây là khoản vay không có tài sản đảm bảo từ Công ty Cổ phần Container Việt Nam (công ty mẹ) theo hợp đồng hỗ trợ vốn số 270618/HTV đề ngày 27 tháng 6 năm 2018 với thời hạn vay là 60 tháng và lãi suất từ 7,0 – 7,1%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

13 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	1.848.405.000	1.473.080.000
Trích lập từ LNST chưa phân phối (Thuyết minh 15)	2.500.000.000	2.500.000.000
Sử dụng quỹ trong năm	(3.152.731.000)	(2.124.675.000)
Số dư cuối năm	<u>1.195.674.000</u>	<u>1.848.405.000</u>

14 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2021	2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký	<u>12.120.000</u>	<u>12.120.000</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>12.120.000</u>	<u>12.120.000</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>12.120.000</u>	<u>12.120.000</u>

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2021		2020	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	8.040.000	66,40	8.040.000	66,40
Cổ đông khác	4.080.000	33,60	4.080.000	33,60
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>12.120.000</u>	<u>100</u>	<u>12.120.000</u>	<u>100</u>

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số lượng cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	<u>12.120.000</u>	<u>121.200.000.000</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>12.120.000</u>	<u>121.200.000.000</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>12.120.000</u>	<u>121.200.000.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

15 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư, phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	121.200.000.000	38.395.122.402	42.666.624.475	202.261.746.877
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	42.528.417.488	42.528.417.488
Trích quỹ đầu tư, phát triển	-	28.046.624.475	(28.046.624.475)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(12.120.000.000)	(12.120.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	121.200.000.000	66.441.746.877	42.528.417.488	230.170.164.365
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	24.474.605.015	24.474.605.015
Trích quỹ đầu tư, phát triển (*)	-	25.484.417.488	(25.484.417.488)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 13) (*)	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	(20.604.000.000)	(20.604.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	121.200.000.000	91.926.164.365	18.414.605.015	231.540.769.380

(*) Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 17 tháng 4 năm 2021, Công ty phân phối 14.544.000.000 Đồng từ LNST chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 để trả cổ tức cho các cổ đông, đồng thời trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi là 2.500.000.000 Đồng (Thuyết minh 13) và số LNST còn lại là 25.484.417.488 Đồng được trích vào quỹ đầu tư, phát triển.

Căn cứ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 07/2021/NQ-HĐQT đề ngày 18 tháng 8 năm 2021, Công ty tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 bằng tiền cho cổ đông là 6.060.000.000 Đồng (tỷ lệ 5% mệnh giá cổ phiếu tương đương 500 Đồng trên một cổ phiếu).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**
16 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, điều chỉnh cho cổ phiếu thưởng phát hành trong năm trừ đi cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	2021	2020
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	24.474.605.015	42.528.417.488
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(2.500.000.000)
	<u>24.474.605.015</u>	<u>40.028.417.488</u>
 Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	 <u>12.120.000</u>	 <u>12.120.000</u>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>2.019</u>	<u>3.303</u>

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu tiềm tàng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong năm và tính đến ngày báo cáo tài chính. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

17 DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2021 VND	2020 VND
Dịch vụ xếp dỡ, nâng hạ container	139.050.786.601	165.944.056.756
Dịch vụ sửa chữa container	18.577.290.261	15.498.607.220
Dịch vụ khác	5.030.154.383	7.626.247.247
	<u>162.658.231.245</u>	<u>189.068.911.223</u>

18 GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2021 VND	2020 VND
Giá vốn của dịch vụ cung cấp	<u>108.236.820.839</u>	<u>110.872.724.904</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

19 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2021 VND	2020 VND
Chi phí hoa hồng - bên liên quan (Thuyết minh 24(a))	17.825.976.500	14.461.147.925
Chi phí hoa hồng - bên thứ ba	6.528.186.000	7.481.077.250
Khác	711.697.028	1.565.654.126
	<u>25.065.859.528</u>	<u>23.507.879.301</u>

20 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	3.046.466.587	7.059.999.127
Chi phí dịch vụ mua ngoài	405.061.795	457.962.526
Chi phí khác	383.809.615	614.493.869
	<u>3.835.337.997</u>	<u>8.132.455.522</u>

21 THUẾ TNDN

Theo các chính sách ưu đãi đầu tư vào Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (2017 - 2020) và giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo (2021 - 2029). Thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% áp dụng trong 15 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên có doanh thu (từ năm 2017 đến năm 2031).

Số thuế trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	26.106.333.963	42.528.417.488
Thuế tính ở thuế suất 10%	2.610.633.396	4.252.841.749
Điều chỉnh:		
- Chi phí không được khấu trừ	652.818.600	574.032.100
- Thuế được miễn hoặc giảm	(1.631.723.048)	(4.826.873.849)
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>1.631.728.948</u>	<u>-</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành (Thuyết minh 9)	1.631.728.948	-
Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>1.631.728.948</u>	<u>-</u>

(*) Chi phí thuế TNDN trong năm được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

22 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu	33.655.929.171	33.151.974.078
Chi phí nhân viên	28.746.502.475	28.415.765.702
Chi phí khấu hao	22.350.198.561	29.572.815.508
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.254.539.014	27.491.675.699
Chi phí hoa hồng	24.354.162.500	21.942.225.175
Chi phí khác	1.776.686.643	1.938.603.565
	137.138.018.364	142.513.059.727

23 BÁO CÁO BỘ PHẬN

(a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, Công ty kinh doanh dịch vụ chính là xếp dỡ, nâng hạ và sửa chữa container và các hoạt động kinh doanh phụ trợ khác liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Doanh thu và giá vốn các hoạt động kinh doanh khác phát sinh lần lượt là 5 tỷ Đồng và 1,9 tỷ Đồng, chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu cung cấp dịch vụ (3%) cũng như giá vốn dịch vụ cung cấp (2%). Do đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên chủ yếu liên quan đến hoạt động dịch vụ xếp dỡ, nâng hạ và sửa chữa container và các hoạt động kinh doanh phụ trợ khác nêu trên.

(b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, Công ty chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có bộ phận theo khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

24 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Tên	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	Công ty cùng tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

24 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch chủ yếu sau được thực hiện với các bên liên quan:

	2021 VND	2020 VND
i) Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	2.077.449.640	405.099.699
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	54.673.848.212	64.770.205.919
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	1.385.462.572	12.419.874.673
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	2.694.823.274	4.908.945.007
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	1.812.005	24.078.130.000
	<u>60.833.395.703</u>	<u>106.582.255.298</u>
ii) Mua hàng hóa		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	14.378.548.981	12.187.235.078
iii) Mua dịch vụ		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	1.116.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	295.048.000	9.414.100.364
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	3.558.267.000	1.163.527.500
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	5.460.000	48.053.948
	<u>4.974.775.000</u>	<u>10.625.681.812</u>
iv) Thu từ thanh lý TSCĐ		
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	-	12.400.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	-	6.600.000.000
	<u>-</u>	<u>19.000.000.000</u>
v) Chi phí hoa hồng (Thuyết minh 19)		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	17.825.976.500	14.461.147.925
vi) Hoạt động tài chính		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam		
- Chi phí lãi vay	161.599.321	3.541.473.216
- Tiền lãi vay đã trả	663.223.566	4.112.412.520
- Trả gốc vay	15.237.037.038	49.540.740.740

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

24 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2021 VND	2020 VND
vii) Chi trả cổ tức Công ty Cổ phần Container Việt Nam	13.668.000.000	8.040.000.000
viii) Các khoản thu hộ, trả hộ bên liên quan Công ty Cổ phần Container Việt Nam	1.241.500.000	1.065.000.000
ix) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt Lương và các quyền lợi gộp khác	1.480.300.063	1.109.625.000

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2021 VND	2020 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 4) Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	2.280.480.590 198.843.518 52.124.516 -	3.836.809.033 2.504.471.727 102.312.100 4.422.453.750
	<u>2.531.448.624</u>	<u>10.866.046.610</u>
ii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 8) Công ty Cổ phần Container Việt Nam	3.692.753.784	6.541.529.291
iii) Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 11) Công ty Cổ phần Container Việt Nam Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	- 534.256.500	501.624.245 1.258.609.000
	<u>534.256.500</u>	<u>1.760.233.245</u>
iv) Vay ngắn hạn (Thuyết minh 12(a)) Công ty Cổ phần Container Việt Nam	-	5.540.740.740
v) Vay dài hạn (Thuyết minh 12(b)) Công ty Cổ phần Container Việt Nam	-	9.696.296.298

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

25 ẢNH HƯỞNG CỦA COVID-19

Sự tái bùng phát và lan rộng của Covid-19 từ đầu năm 2021 là một tình huống khó khăn và thách thức đối với hoạt động của Công ty. Ban Giám đốc của Công ty đã thực hiện đánh giá về tác động của tình huống này đối với hoạt động của Công ty, bao gồm khả năng thu hồi giá trị ghi sổ của các tài sản, ghi nhận giá trị của các tài sản và nợ phải trả và cho rằng ảnh hưởng của Covid-19 là không trọng yếu đối với hoạt động và báo cáo tài chính của Công ty trong tương lai gần. Ban Giám đốc của Công ty sẽ tiếp tục theo dõi tình hình, có các hành động phù hợp và kịp thời để giảm thiểu tác động trong tương lai.

Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 28 tháng 2 năm 2022.



Nguyễn Thị Minh Lan
Kế toán trưởng/Người lập



Đông Trung Hải
Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật